

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 10-9-2021  
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lò Thị Vinh và Lò Thị Ánh Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hồng Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/TLST – HNGĐ ngày 19/4/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Dương Thị Minh Ph (Dương Thị Ph); SN: 1970

**Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc Th, sinh năm: 1968

Đều trú tại: C17, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

(Chị Ph vắng mặt có lý do, anh Th vắng mặt lần 2 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19/4/2021 và lời khai trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Dương Thị Minh Ph trình bày:*

**Về quan hệ hôn Nhân:** Chị Dương Thị Minh Ph và anh Phạm Ngọc Th kết hôn năm 1991 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (cũ) nay là tỉnh Điện Biên. Chị Ph và anh Th kết hôn tự

nguyên không ai bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th mắc tệ nạn xã hội và nghi ngờ chị Ph có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên đã có hành vi bạo lực đối với chị Ph cả về thể xác và tinh thần. chị Ph hiện không còn tình cảm với anh Th, vì vậy chị Ph đề nghị được ly hôn với anh Th.

**Về con chung:** chị Ph khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc Tiến, sinh năm 1991 và Phạm Ngọc Dũng sinh năm 2001 đều đã thành niên nên không đề nghị giải quyết.

**Về tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: chị Ph không đề nghị Tòa giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 04/6/2021 bị đơn anh Phạm Ngọc Th trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân:** anh Th công nhận anh và chị Ph lấy nhau năm có đăng ký kết hôn như chị Ph khai nhận. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị Ph ngoại tình. Nay chị Ph đề nghị giải quyết ly hôn anh Th đồng ý.

**Về con chung:** anh Th công nhận vợ chồng có 02 con chung và các cháu đều đã thành niên nên không đề nghị Tòa giải quyết như ý kiến của chị Ph.

**Về tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: anh Th không đề nghị Tòa giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 21/6/2021 và 05/7/2021 nhưng cả 02 lần anh Th đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Th theo quy định.

Ngày 25/8/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử anh Th vắng mặt không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định, đến ngày 10/9/2021 mở lại phiên tòa lần 2, anh Th vẫn vắng mặt không có lý do, chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do dịch bệnh Covid, nên Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph và anh Th.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Dương Thị

Minh Ph được ly hôn anh Phạm Ngọc Th. Con chung đã thành niên nên không xem xét, giải quyết; Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: chị Ph và anh Th không đề nghị giải quyết nên không xem xét. chị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật:** Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Phạm Ngọc Th và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Dương Thị Minh Ph, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn là anh Phạm Ngọc Th có hiện đang sinh sống tại xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

**[3]. Về điều luật áp dụng:** chị Ph và anh Th kết hôn năm 1991, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[4]. Về quan hệ hôn nhân:** chị Ph và anh Th kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cả hai đều thừa nhận hai bên kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị Ph và anh Th là hợp pháp. chị Ph có đơn xin ly hôn với anh Th là do anh Th mắc tệ nạn xã hội và nghi ngờ chị Ph có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên đã có hành vi bạo lực đối với chị Ph cả về thể xác và tinh thần nên chị Ph đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th, anh Th cho rằng chị Ph có quan hệ ngoại tình nếu chị Ph ly hôn anh Th đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 03/8/2021 chính quyền địa phương nơi Phương và anh Th sinh sống xác nhận anh Th mắc tệ nạn xã hội. Vì vậy việc chị Ph xin ly hôn với anh Th là có căn cứ mục đích hôn nhân không đạt được bản thân anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị Ph phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ph được ly hôn với anh Th.

**[5]. Về con chung:** chị Ph và anh Th có 02 con chung đều đã thành niên nên không đề nghị Tòa giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6]. Về tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: chị Ph và anh Th không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7]. Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Ph phải chịu 300.000 đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Nguyên đơn chị Dương Thị Minh Ph (Dương Thị Ph) được ly hôn với bị đơn anh Phạm Ngọc Th.

**2. Về con chung:** Đã thành niên không đề nghị giải quyết.

**3. Về tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không đề nghị giải quyết.

**4. Về án phí:** chị Ph phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004766, ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. chị Ph đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** chị Ph, anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đỗ Thu Hương**

